

KẾ HOẠCH
Tuyển dụng công chức của tỉnh Long An năm 2022

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13/11/2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25/11/2019; Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức; Thông tư số 02/2021/TT-BNV ngày 11/6/2021 của Bộ Nội vụ Quy định mã số, tiêu chuẩn, chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành hành chính và công chức chuyên ngành văn thư; Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020 ban hành Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;

Theo đăng ký nhu cầu tuyển dụng công chức của sở, ngành tỉnh, UBND huyện, thị xã, thành phố và đề xuất của Sở Nội vụ; UBND tỉnh ban hành Kế hoạch tuyển dụng công chức năm 2022 với những nội dung chính sau đây:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Tổ chức tuyển dụng để tuyển chọn công chức vào làm việc tại các sở ngành tỉnh, UBND huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan trực thuộc; là những người phù hợp với vị trí việc làm, tiêu chuẩn ngạch công chức cần tuyển, hiểu biết đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước, có phẩm chất đạo đức tốt, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ, khả năng công tác đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

2. Yêu cầu

a) Tuyển dụng công chức phải căn cứ vào yêu cầu nhiệm vụ, vị trí việc làm và chỉ tiêu biên chế của từng cơ quan, đơn vị; người dự tuyển phải đủ điều kiện, tiêu chuẩn tuyển dụng.

b) Tuyển dụng công chức phải thực hiện đúng các quy định của Quy chế tổ chức tuyển dụng công chức theo quy định hiện hành; thi theo nguyên tắc cạnh tranh để tuyển đủ số lượng và đảm bảo chất lượng.

c) Tuyển dụng công chức phải thực hiện nghiêm túc, công khai, minh bạch, khách quan và đúng pháp luật.

II. CHỈ TIÊU, NGẠCH, TRÌNH ĐỘ CÔNG CHỨC CẦN TUYỂN

- Biên chế công chức được giao năm 2022: 2.296 biên chế.
- Biên chế công chức hiện có (01/5/2022): 2.211 biên chế.
- Biên chế công chức chưa sử dụng: 85 biên chế.

- Chỉ tiêu tuyển dụng công chức toàn tỉnh năm 2022 là 58 chỉ tiêu (có biểu chi tiết kèm theo).

III. TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN VÀ ƯU TIÊN TRONG TUYỂN DỤNG

1. Người có đủ các điều kiện, tiêu chuẩn sau đây không phân biệt dân tộc, giới tính, thành phần xã hội, tín ngưỡng, tôn giáo được đăng ký dự thi tuyển công chức:

- Có một quốc tịch là quốc tịch Việt Nam; đủ 18 tuổi trở lên; có lý lịch rõ ràng.

- Có Phiếu đăng ký dự tuyển.

- Có văn bằng, chứng chỉ phù hợp với vị trí việc làm cần tuyển, cụ thể:

+ Người đăng ký dự thi tuyển vào ngạch chuyên viên và tương đương phải có trình độ đại học trở lên, đúng ngành, chuyên ngành cần tuyển. Riêng đối với văn bằng nước ngoài cấp phải được Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục công nhận theo quy định.

+ Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin, sử dụng được ngoại ngữ phù hợp với ngạch dự thi tuyển (*tiêu chuẩn trình độ ngoại ngữ đối với ngạch chuyên viên là tương đương bậc 3*). Trường hợp thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học chuyên môn đã chuẩn đầu ra về ngoại ngữ hoặc tin học theo quy định mà tương ứng với yêu cầu của vị trí việc làm dự tuyển (*ngoại ngữ tương đương A2, B1, tin học tương đương trình độ ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản*) thì không yêu cầu về chứng chỉ ngoại ngữ, tin học.¹

Riêng các vị trí tuyển dụng vào ngạch kế toán viên: theo quy định phải có chứng chỉ ngoại ngữ, tin học phù hợp với tiêu chuẩn ngạch dự thi tuyển (*tiêu chuẩn trình độ ngoại ngữ đối với ngạch kế toán viên là tương đương bậc 2 của khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam*).

- Có phẩm chất đạo đức tốt.

- Đủ sức khỏe để thực hiện nhiệm vụ.

2. Những người sau đây không được đăng ký dự tuyển dụng công chức:

- Không cư trú tại Việt Nam.

- Mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự.

¹ Cơ sở xác định kỹ năng sử dụng ngoại ngữ, tin học tương ứng theo yêu cầu vị trí việc làm cần tuyển đối với thí sinh không có chứng chỉ ngoại ngữ, tin học nhưng có bằng tốt nghiệp đại học chuyên môn đã chuẩn đầu ra về ngoại ngữ hoặc tin học: phải có một trong các loại văn bản sau để đối chiếu (gửi kèm theo phiếu đăng ký dự tuyển): Kết quả học tập có điểm thi môn ngoại ngữ, tin học; giấy chứng nhận nội bộ của cơ sở đào tạo về trình độ ngoại ngữ, tin học; văn bản quy định hoặc xác nhận của cơ sở đào tạo về chuẩn đầu ra ngoại ngữ, tin học.

- Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; đang chấp hành hoặc đã chấp hành xong bản án, quyết định về hình sự của Tòa án mà chưa được xóa án tích; đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở chữa bệnh, cơ sở giáo dục.

3. Ưu tiên trong tuyển dụng công chức

3.1. Đối tượng và điểm ưu tiên

a) Anh hùng Lực lượng vũ trang, Anh hùng Lao động, thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, thương binh loại B: Được cộng 7,5 điểm vào kết quả điểm vòng 2;

b) Người dân tộc thiểu số, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp phục viên, người làm công tác cơ yếu chuyên ngành, học viên tốt nghiệp đào tạo sĩ quan dự bị, tốt nghiệp đào tạo Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự cấp xã ngành quân sự cơ sở được phong quân hàm sĩ quan dự bị đã đăng ký ngạch sĩ quan dự bị, con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con của thương binh loại B, con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con Anh hùng Lực lượng vũ trang, con Anh hùng Lao động: Được cộng 5 điểm vào kết quả điểm vòng 2;

c) Người hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ tham gia công an nhân dân, đội viên thanh niên xung phong: Được cộng 2,5 điểm vào kết quả điểm vòng 2.

3.2. Trường hợp người dự tuyển dụng thuộc nhiều diện ưu tiên quy định nêu trên thì chỉ được cộng điểm ưu tiên cao nhất vào kết quả điểm vòng 2.

IV. NỘI DUNG, HÌNH THỨC TUYỂN DỤNG

1. Hình thức tuyển dụng: Thi tuyển.

2. Thi tuyển công chức được thực hiện theo 2 vòng thi như sau:

2.1. Vòng 1: Thi kiểm tra kiến thức, năng lực chung.

a) Hình thức thi: Thi trắc nghiệm trên máy vi tính.

Do tổ chức thi trên máy tính nên nội dung thi trắc nghiệm không có phần thi tin học. Nội dung thi: Gồm 02 phần, thời gian như sau:

Phần I: Kiến thức chung, 60 câu hỏi hiểu biết chung về hệ thống chính trị, tổ chức bộ máy của Đảng, Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội; quản lý hành chính nhà nước; công chức, công vụ và các kiến thức khác để đánh giá năng lực. Thời gian thi 60 phút;

Phần II: Ngoại ngữ, 30 câu hỏi theo yêu cầu của vị trí việc làm về một trong năm thứ tiếng Anh, Nga, Pháp, Đức, Trung Quốc hoặc ngoại ngữ khác do người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng công chức quyết định. Thời gian thi 30 phút;

b) Miễn phần thi ngoại ngữ đối với các trường hợp sau:

- Có bằng tốt nghiệp chuyên ngành ngoại ngữ cùng trình độ đào tạo hoặc ở trình độ đào tạo cao hơn so với trình độ đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu của vị trí việc làm dự tuyển;

- Có bằng tốt nghiệp cùng trình độ đào tạo hoặc ở trình độ đào tạo cao hơn so với trình độ đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu của vị trí việc làm dự

tuyển do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp và được công nhận tại Việt Nam theo quy định;

- Có chứng chỉ tiếng dân tộc thiểu số hoặc là người dân tộc thiểu số, trong trường hợp dự tuyển vào công chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số.

c) Kết quả thi vòng 1 được xác định theo số câu trả lời đúng cho từng phần thi quy định tại điểm b khoản này, nếu trả lời đúng từ 50% số câu hỏi trở lên cho từng phần thi thì người dự tuyển được thi tiếp vòng 2.

2.2. Vòng 2: Thi môn nghiệp vụ chuyên ngành.

a) Hình thức thi: Thi viết.

b) Nội dung thi: Kiểm tra kiến thức về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật về ngành, lĩnh vực tuyển dụng; kỹ năng thực thi công vụ của người dự tuyển theo yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển.

c) Thời gian thi: 180 phút.

d) Thang điểm: 100 điểm.

V. XÁC ĐỊNH NGƯỜI TRÚNG TUYỂN TRONG KỲ THI TUYỂN CÔNG CHỨC

1. Người trúng tuyển trong kỳ thi tuyển công chức phải có đủ các điều kiện sau:

a) Có kết quả điểm thi tại vòng 2 đạt từ 50 điểm trở lên.

b) Có kết quả điểm thi tại vòng 2 cộng với điểm ưu tiên quy định nêu trên (nếu có) cao hơn lấy theo thứ tự điểm từ cao xuống thấp trong chỉ tiêu được tuyển dụng của từng vị trí việc làm.

2. Trường hợp có từ 02 người trở lên có tổng số điểm tính theo quy định tại điểm b khoản 1 khoản này bằng nhau ở chỉ tiêu cuối cùng của vị trí việc làm cần tuyển thì người có kết quả điểm thi vòng 2 cao hơn là người trúng tuyển; nếu vẫn không xác định được thì người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng công chức quyết định người trúng tuyển.

3. Người không trúng tuyển trong kỳ thi tuyển công chức không được bảo lưu kết quả thi tuyển cho các kỳ thi tuyển lần sau.

VI. HỒ SƠ, THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM, KINH PHÍ TỔ CHỨC KỲ THI

1. Hồ sơ đăng ký dự tuyển dụng công chức

- Mỗi thí sinh nộp 01 Phiếu đăng ký dự tuyển theo mẫu ban hành kèm theo Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020, nộp trực tiếp Phiếu đăng ký dự tuyển tại Sở Nội vụ hoặc gửi theo đường bưu điện.

- Trường hợp thí sinh đăng ký dự tuyển đang là viên chức các đơn vị sự nghiệp của nhà nước, người làm việc trong các doanh nghiệp nhà nước, cán bộ, công chức cấp xã, nếu đăng ký dự tuyển phải được Thủ trưởng cơ quan, đơn vị nơi đang công tác đồng ý bằng văn bản.

- Mỗi thí sinh chỉ được đăng ký dự tuyển vào một vị trí việc làm, nếu đăng ký từ 02 vị trí việc làm trở lên sẽ bị loại khỏi danh sách dự tuyển.

Trường hợp người đăng ký có hành vi gian lận trong kê khai Phiếu đăng ký dự tuyển hoặc cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng phát hiện người trúng tuyển sử dụng văn bằng, chứng chỉ không đúng quy định thì người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng công chức ra quyết định hủy kết quả trúng tuyển và có văn bản báo cáo người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý công chức.

2. Thời gian, địa điểm thi

- Tổ chức thi tuyển trong quý IV/2022.

- Địa điểm thi: Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học, địa chỉ: Số 264, đường Huỳnh Văn Đảnh, Phường 3, thành phố Tân An, tỉnh Long An.

3. Kinh phí tổ chức kỳ thi

a) Mức thu phí thi tuyển, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thực hiện theo Thông tư số 92/2021/TT-BTC ngày 28/10/2021 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức; nộp tại Sở Nội vụ cùng với Phiếu đăng ký dự tuyển.

Sở Nội vụ tổng hợp thu phí dự thi tuyển, báo cáo Hội đồng thi có kế hoạch chi theo đúng chế độ quy định.

b) Các trường hợp thí sinh đã nộp Phiếu đăng ký dự tuyển và phí dự thi nhưng không tham gia thi sẽ không được hoàn trả Phiếu đăng ký dự tuyển và phí dự thi.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nội vụ

- Chịu trách nhiệm triển khai, tổ chức thực hiện việc tuyển dụng công chức theo đúng Quy chế thi tuyển công chức ban hành kèm theo Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020 của Bộ Nội vụ và nội dung Kế hoạch này.

- Phối hợp với Trường Chính trị tỉnh, các Trường Đại học, Học viện có kinh nghiệm xây dựng danh mục tài liệu các môn thi, ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm, đề thi viết theo quy định.

- Trình UBND tỉnh quyết định phê duyệt danh sách thí sinh đủ tiêu chuẩn, điều kiện tham dự kỳ thi tuyển công chức năm 2022.

- Trình UBND tỉnh phê duyệt kết quả thi tuyển công chức năm 2022.

- Quyết định thành lập Hội đồng Tuyển dụng công chức năm 2022.

- Thông báo, niêm yết công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng, Cổng thông tin điện tử của tỉnh và trụ sở Sở Nội vụ (cơ quan thường trực của Hội đồng thi tuyển) tất cả các thông tin liên quan đến kỳ thi tuyển công chức: Tiêu chuẩn, điều kiện, số lượng cần tuyển; thời gian, địa điểm tiếp nhận phiếu đăng ký dự tuyển của người dự tuyển.

- Tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển, thu phí dự tuyển; phối hợp với các sở, ngành tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố kiểm tra thông tin Phiếu đăng ký dự tuyển, thống nhất danh sách thí sinh đủ tiêu chuẩn, điều kiện dự thi tuyển theo quy định.

- Thông báo công khai những người đủ, không đủ điều kiện, tiêu chuẩn dự thi tuyển; hoàn trả phí đối với người không đủ điều kiện, tiêu chuẩn dự thi.

- Niêm yết công khai kết quả tuyển dụng theo quy định; gửi thông báo công nhận kết quả trúng tuyển bằng văn bản đến người dự tuyển theo địa chỉ mà người dự tuyển đã đăng ký.

- Quyết định tuyển dụng, bổ nhiệm vào ngạch công chức, xếp lương đối với những người trúng tuyển theo quy định (sau khi người trúng tuyển xuất trình bản chính các văn bằng, chứng chỉ, kết quả học tập, đối tượng ưu tiên theo yêu cầu cụ vị trí dự tuyển).

- Chuẩn bị các điều kiện phục vụ kỳ thi, tài liệu các môn thi, tổ chức ôn thi (nếu có); quản lý thu, chi phí dự tuyển công chức theo quy định.

2. Các sở, ngành tỉnh, UBND huyện, thị xã, thành phố có chỉ tiêu tuyển dụng

- Phối hợp với Sở Nội vụ duyệt danh sách người đăng ký dự thi tuyển công chức, đảm bảo đúng điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định.

- Hướng dẫn thí sinh trúng tuyển hoàn tất hồ sơ tuyển dụng, phân công công tác theo đúng vị trí việc làm đã đăng ký tuyển dụng.

- Rà soát, xây dựng nội dung ôn tập và bộ đề môn thi viết nghiệp vụ chuyên ngành theo yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển theo đúng quy định.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc thì các cơ quan, đơn vị phản ánh về Sở Nội vụ để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, xử lý./.

(Đính kèm Phụ lục tuyển dụng công chức năm 2022)

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ngành tỉnh;
- UBND huyện, thị xã, thành phố;
- Phòng THKSTTHC;
- Lưu: VT.

KH-Tuyendungcongchuc2022

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Út

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN

PHỤ LỤC NHU CẦU TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC NĂM 2022

(Kèm theo Kế hoạch số 1818/KH-UBND ngày 16/6/2022 của UBND tỉnh)

TT	Tên cơ quan, đơn vị	Số biên chế giao năm 2022	Số lượng công chức hiện có đến tháng 06/2022	Số lượng công chức nghỉ hưu đúng tuổi, thôi việc, nghỉ theo ND 108/2015/ND-CP 6 tháng đầu năm 2022		Số lượng cần tuyển	Vị trí cần tuyển					Ghi chú		
				nghỉ hưu, thôi việc	tính gián biên chế		Tên vị trí việc làm cần tuyển	Nơi bố trí công tác (phòng, ban chuyên môn)	Ngạch công chức	Trình độ chuyên môn cần tuyển (tối thiểu)	Ngành cần tuyển			
I	Sở ngành tỉnh					19								
1	Sở Lao động-Thương binh và Xã	60	50	2	0	4								
						1	Văn thư-Lưu trữ	Văn phòng Sở	01.004	Cao đẳng	Văn thư, Văn thư Lưu trữ, Hành chính văn thư, Hành chính văn phòng			
						1	Thanh tra viên	Thanh tra Sở	01.003	Đại học	Luật dân sự, Kỹ thuật điện			
						1	Quản lý Tiền lương	Phòng Lao động-Việc làm và Giáo dục nghề nghiệp	01.003	Đại học	Quản trị nhân lực			
						1	Chính sách Bảo trợ xã hội	Phòng Quản lý Công tác xã hội	01.003	Đại học	Công tác xã hội, Xã hội học			
2	Sở Ngoại vụ	17	15	0	0	2								

TT	Tên cơ quan, đơn vị	Số biên chế giao năm 2022	Số lượng công chức hiện có đến tháng 06/2022	Số lượng công chức nghỉ hưu đúng tuổi, thời việc, nghỉ theo ND 108/2015/NĐ-CP 6 tháng đầu năm 2022		Số lượng cần tuyển	Tên vị trí việc làm cần tuyển	Nơi bố trí công tác (phòng, ban chuyên môn)	Ngạch công chức	Trình độ chuyên môn cần tuyển (tối thiểu)	Ngành cần tuyển	Ghi chú
				nghỉ hưu, thời việc	tình gián biên chế							
						1	Công tác người Việt Nam ở nước ngoài	Phòng Quản lý Biên giới và phòng Hợp tác quốc tế	01.003	Đại học	Ngôn ngữ Hàn Quốc; Ngôn ngữ Nhật Bản	
						1	Hợp tác quốc tế; ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế; kinh tế đối ngoại, văn hóa đối ngoại, thông tin đối ngoại	Phòng Quản lý Biên giới và phòng Hợp tác quốc tế	01.003	Đại học	Ngôn ngữ Hàn Quốc; Ngôn ngữ Nhật Bản	
3	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	40	35	1		1	Hành chính tổng hợp	Văn phòng Sở	01.003	Đại học	Hành chính (Quản lý nhà nước), Xã hội học, Luật, Việt Nam học, Quản lý văn hóa, Khoa học máy tính, Công nghệ phần mềm, Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	
4	Sở Giao thông vận tải	90	86	0	0	4	Quản lý chất lượng công trình giao thông	Phòng Quản lý chất lượng hạ tầng giao thông	01.003	Đại học	Xây dựng cầu đường; Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	
						1	Quản lý hạ tầng giao thông	Phòng An toàn giao thông	01.003	Đại học	Xây dựng cầu đường; Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	

TT	Tên cơ quan, đơn vị	Số biên chế giao năm 2022	Số lượng công chức hiện có đến tháng 06/2022	Số lượng công chức nghỉ hưu đúng tuổi, thời việc, nghỉ theo ND 108/2015/ND-CP 6 tháng đầu năm 2022		Số lượng cần tuyển	Tên vị trí việc làm cần tuyển	Nơi bố trí công tác (phòng, ban chuyên môn)	Ngạch công chức	Trình độ chuyên môn cần tuyển (tối thiểu)	Ngành cần tuyển	Ghi chú
				nghỉ hưu, thời việc	(tính gián biên chế)							
5	Sở Kế hoạch và Đầu tư	39	35	0	0	1	Quản lý Vận tải	Phòng Quản lý Vận tải - Phương tiện & Người lái	01.003	Đại học	Quản lý vận tải; Kinh tế vận tải; Khai thác vận tải; Vận tải đa phương thức; Quản trị và kinh doanh vận tải.	
6	Sở Nội vụ	50	43	0	0	3	Tổng hợp kinh tế - xã hội	Phòng Quy hoạch - Kế hoạch tổng hợp	01.003	Đại học	Kinh tế phát triển, Tài chính ứng dụng	
						1	Xây dựng chính quyền	Phòng XDCQ và CTTN	01.003	Đại học	Hành chính (Quản lý nhà nước)	
						1	Công nghệ thông tin	Văn phòng	01.003	Đại học	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu; Kỹ thuật mạng	
						1	Quản lý công tác Tôn giáo	Ban Tôn giáo	01.003	Đại học	Xã hội học, Luật, Tôn giáo học	
7	Sở Xây dựng	46	43	1		3						
						1	Văn thư	Văn phòng sở	01.004	Cao đẳng	Văn thư, lưu trữ	
						1	Lưu trữ	Văn phòng sở	01.004	Cao đẳng	Văn thư, lưu trữ	
						1	Kế toán	Văn phòng sở	06.031	Đại học	Kế toán	

TT	Tên cơ quan, đơn vị	Số biên chế giao năm 2022	Số lượng công chức hiện có đến tháng 06/2022	Số lượng công chức nghỉ hưu đúng tuổi, thời việc, nghỉ theo ND 108/2015/ND-CP 6 tháng đầu năm 2022		Số lượng công chức nghỉ hưu		Số lượng công chức nghỉ hưu đúng tuổi, thời việc, nghỉ theo ND 108/2015/ND-CP 6 tháng đầu năm 2022	Vị trí cần tuyển							Ghi chú
				nghỉ hưu, thời việc	tình giảm biên chế	Số lượng cần tuyển	Tên vị trí việc làm cần tuyển		Nơi bố trí công tác (phòng, ban chuyên môn)	Ngạch công chức	Trình độ chuyên môn cần tuyển (tối thiểu)	Ngành cần tuyển				
8	Sở Khoa học và Công nghệ	33	31	2	1	Hành chính-tổng hợp	Văn phòng số	01.003	Đại học	Luật, Hành chính						
II	UBND cấp huyện				39											
1	UBND thị xã Kiến Tường	81	73	2	3	Quản lý tài nguyên nước, khoáng sản	Phòng Tài nguyên và Môi trường	01.003	Đại học	Quản lý tài nguyên môi trường; Kinh tế Tài nguyên thiên nhiên						
					1	Quản lý văn thư - lưu trữ	Phòng Nội vụ	01.003	Đại học	Văn thư - Lưu trữ						
					1	Quản lý về nông nghiệp	Phòng Kinh tế	01.003	Đại học	Nông nghiệp, Khoa học cây trồng, Kinh tế nông nghiệp						
2	UBND huyện Đức Huệ	80	72	1	6	Cải cách hành chính	Phòng Nội vụ	01.003	Đại học	Hành chính (quản lý nhà nước), Luật						
					1	Hành chính tư pháp	Phòng Tư pháp	01.003	Đại học	Luật						
					1	Kiểm soát văn bản & thủ tục hành chính	Văn Phòng HĐND và UBND huyện	01.003	Đại học	Luật, Luật Kinh tế						

TT	Tên cơ quan, đơn vị	Số biên chế giao năm 2022	Số lượng công chức hiện có đến tháng 06/2022	Số lượng công chức nghỉ hưu đúng tuổi, thôi việc, nghỉ theo ND 108/2015/ND-CP 6 tháng đầu năm 2022		Vị trí cần tuyển							Ghi chú
				nghỉ hưu, thôi việc	tính gián biên chế	Số lượng cần tuyển	Tên vị trí việc làm cần tuyển	Nơi bố trí công tác (phòng, ban chuyên môn)	Ngạch công chức	Trình độ chuyên môn cần tuyển (tối thiểu)	Ngành cần tuyển		
						1	Quản lý về thủy lợi(đề điều, phòng chống lụt bão)	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	01.003	Đại học	Kỹ thuật xây dựng công trình thủy		
						1	Quản lý Kế hoạch-Đầu tư	Phòng Tài chính và Kế hoạch	01.003	Đại học	Kế toán		
						1	Quản lý Thông tin, truyền thông	Phòng Văn hóa, thông tin	01.003	Đại học	Công nghệ Thông tin, Quản lý văn hóa		Công nghệ thông tin (theo Thông tư số 17/2021/TT-BTTTT ngày 30/11/2021)
3	UBND thành phố Tân An	91	81			7							
						1	Hành chính - Tổng hợp	Văn phòng HĐND và UBND thành phố	01.003	Đại học	Luật, Hành chính học (Quản lý nhà nước)		
						1	Công nghệ thông tin	Văn phòng HĐND và UBND thành phố	01.003	Đại học	Khoa học máy tính, Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu, Kỹ thuật phần mềm, Hệ thống thông tin, Kỹ thuật phần cứng, Công nghệ kỹ thuật máy tính, Công nghệ thông tin, Điện tử máy tính, Công nghệ truyền thông, Quản trị mạng máy tính		
						1	Quản lý văn hóa thông tin cơ sở	Phòng Văn hóa và Thông tin	01.003	Đại học	Văn hóa học, Quản lý văn hóa		
						1	Quản lý tổ chức - biên chế và hội	Phòng Nội vụ	01.003	Đại học	Luật; Hành chính học (Quản lý nhà nước)		

TT	Tên cơ quan, đơn vị	Số biên chế giao năm 2022	Số lượng công chức hiện có đến tháng 06/2022	Số lượng công chức nghỉ hưu đúng tuổi, thời việc, nghỉ theo ND 108/2015/NĐ-CP 6 tháng đầu năm 2022		Số lượng cần tuyển	Tên vị trí việc làm cần tuyển	Nơi bố trí công tác (phòng, ban chuyên môn)	Ngạch công chức	Trình độ chuyên môn cần tuyển (tối thiểu)	Ngành cần tuyển	Ghi chú
				nghỉ hưu, thời việc	trình giãn biên chế							
						1	Xây dựng chính quyền địa phương và công tác thanh niên	Phòng Nội vụ	01.003	Đại học	Luật; Hành chính học (Quản lý nhà nước)	
						1	Quản lý Tài chính - ngân sách	Phòng Tài chính và Kế hoạch	01.003	Đại học	Tài chính - Ngân hàng	
						1	Quản lý kế hoạch và đầu tư	Phòng Tài chính và Kế hoạch	01.003	Đại học	Quản lý kinh tế, Kinh tế đầu tư, Quản trị kinh doanh.	
4	UBND huyện Cần Giuộc	91	80	1	0	9	Quản lý văn hóa và gia đình	Phòng Văn hóa và Thông tin	01.003	Đại học	Luật, Quản lý văn hóa, Xã hội học	
						1	Quản lý về Lao động, việc làm và dạy nghề	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	01.003	Đại học	Luật, Quản trị nguồn nhân lực	
						1	Quản lý kế hoạch và đầu tư	Phòng Tài chính và Kế hoạch	01.003	Đại học	Kế toán, Tài chính - Ngân hàng, Tài chính công, Quản trị kinh doanh	
						1	Quản lý tài chính - ngân sách		01.003	Đại học	Kế toán, Tài chính công	

TT	Tên cơ quan, đơn vị	Số biên chế giao năm 2022	Số lượng công chức hiện có đến tháng 06/2022	Số lượng công chức nghỉ hưu đúng tuổi, thời việc, nghỉ theo ND 108/2015/ND-CP 6 tháng đầu năm 2022		Số lượng cần tuyển	Tên vị trí việc làm cần tuyển	Nơi bố trí công tác (phòng, ban chuyên môn)	Ngạch công chức	Trình độ chuyên môn cần tuyển (tối thiểu)	Ngành cần tuyển	Ghi chú
				nghỉ hưu, thời việc	(tính gián biên chế)							
						1	Hành chính tổng hợp	Văn phòng HĐND và UBND huyện	01.003	Đại học	Hành chính (Quản lý nhà nước) Quản lý đất đai, Quản lý xây dựng, Kinh tế phát triển, Tài chính- ngân hàng, Kế toán	
						1	Hành chính một cửa	Văn phòng HĐND và UBND huyện	01.003	Đại học	Quản lý đất đai	
						1	Quản lý đất đai	Phòng Tài nguyên và Môi trường	01.003	Đại học	Quản lý đất đai	
						1	Quản lý xây dựng	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	01.003	Đại học	Kiến trúc cảnh quan, Quy hoạch vùng và đô thị, Kỹ thuật cơ sở hạ tầng	
						1	Cải cách hành chính	Phòng Nội vụ	01.003	Đại học	Hành chính (Quản lý nhà nước) Quản trị nhân lực, Luật Hiến pháp và luật hành chính	
5	UBND huyện Bến Lức	91	86	0	0	3						
						2	Hành chính - Tổng hợp	Văn Phòng HĐND và UBND huyện	01.003	Đại học	Luật Hành chính, Luật Kinh tế, Hành chính (Quản lý nhà nước), Quản lý xây dựng	
						1	Quản lý Tài chính - ngân sách	Phòng Tài chính - Kế hoạch	01.003	Đại học	Kế toán	

TT	Tên cơ quan, đơn vị	Số biên chế giao năm 2022	Số lượng công chức hiện có đến tháng 06/2022	Số lượng công chức nghỉ hưu đúng tuổi, thời việc, nghỉ theo ND 108/2015/NĐ-CP 6 tháng đầu năm 2022		Số lượng cần tuyển	Tên vị trí việc làm cần tuyển	Nơi bố trí công tác (phòng, ban chuyên môn)	Ngạch công chức	Trình độ chuyên môn cần tuyển (tối thiểu)	Ngành cần tuyển	Ghi chú
				nghỉ hưu, thời việc	tính gián biên chế							
6	UBND huyện Đức Hòa	95	84	0	0	2	Theo dõi bình đẳng giới và giảm nghèo bền vững	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	01.003	Đại học	Quản trị nhân lực	
7	UBND huyện Mộc Hóa	80	75			2	Theo dõi xây dựng nông thôn mới	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	01.003	Đại học	Bảo vệ thực vật, thú y, công nghệ thực phẩm, phát triển nông thôn, kinh tế nông nghiệp	
						1	Phổ biến, theo dõi thi hành pháp luật	Phòng Tư pháp	01.003	Đại học	Luật học, Luật Hành chính, Luật Dân sự	
						1	Quản lý kế hoạch và đầu tư	Phòng Tài chính và Kế hoạch	01.003	Đại học	Kỹ thuật xây dựng, Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông; Kỹ thuật cơ sở hạ tầng; Quản lý xây dựng; Kinh tế xây dựng	
8	UBND huyện Tân Trụ	80	73			4	Quản lý đất đai	Phòng Tài nguyên và Môi trường	01.003	Đại học	Quản lý đất đai	

TT	Tên cơ quan, đơn vị	Số biên chế giao năm 2022	Số lượng công chức hiện có đến tháng 06/2022	Số lượng công chức nghỉ hưu đúng tuổi, thời việc, nghỉ theo ND 108/2015/ND-CP 6 tháng đầu năm 2022		Số lượng cần tuyển	Tên vị trí việc làm cần tuyển	Nơi bố trí công tác (phòng, ban chuyên môn)	Ngạch công chức	Trình độ chuyên môn cần tuyển (tối thiểu)	Ngành cần tuyển	Ghi chú
				nghỉ hưu, thời việc	tính gián biên chế							
						1	Quản lý môi trường	Phòng Tài nguyên và Môi trường	01.003	Đại học	Quản lý môi trường	
						1	Quản lý đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức	Phòng Nội vụ	01.003	Đại học	Hành chính (quản lý nhà nước), Luật học; Luật hành chính; Quản trị nhân lực	
						1	Quản lý thông tin, truyền thông	Phòng Văn hóa và Thông tin	01.003	Đại học	Kkhoa học máy tính; mạng máy tính và truyền thông dữ liệu; kỹ thuật phần mềm; hệ thống thông tin, công nghệ thông tin; An toàn thông tin; truyền thông và mạng máy tính; công nghệ truyền thông; xử lý dữ liệu; Quản trị mạng máy tính; Quản trị hệ thống	
9	UBND huyện Thủ Thừa	82	76	1	0	3						
						1	Quản lý thông tin-truyền thông	Phòng Văn hóa và Thông tin	01.003	Đại học	An toàn hạ tầng thông tin	
						1	Quản lý xây dựng	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	01.003	Đại học	Kỹ thuật xây dựng	
						1	Quản lý về thủy lợi (đề điều, phòng chống lụt bão)	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	01.003	Đại học	Kỹ thuật xây dựng công trình thủy	
Tổng cộng: 58 chỉ tiêu./.												